

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 10 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin.

Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm – Kiểm sát viên;

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST-HS, ngày 01 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST – HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/HSST- QĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với.

1. Bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn Ú, tên gọi khác: Không có, giới tính: Nam.

Ngày, tháng, năm sinh: 25/9/1990, nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Lái xe; chức vụ trước khi phạm tội: Không; trình độ học vấn: 6/12. Con ông Trần Văn A, sinh năm 1945 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1946 (chết). Anh, chị, em ruột: Có 08 người, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1984. Vợ: Châu Thị N, sinh năm 1991 (chết). Con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2010/HSST ngày 16/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, xử phạt Trần Văn Ú 14 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng 10 ngày, tính từ ngày tuyên án về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 26/10/2013, Ú chấp hành xong án treo; Ú được miễn nghĩa vụ thi hành án đối với án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định số

12/2016/QĐ-MTHA ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo Trần Văn Ú đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị hại:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.2. Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, Tp ..

2.3. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2.4. Bà Huỳnh Thị Phà C, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

3.1. Ông Lương Ngọc H1, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông Trịnh Ngọc L1, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Bà Trần Kim P, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Trọng Bình P1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 25/9/2023, Trần Văn Ú đi xe khách đi từ nhà Ú đến bến xe M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó Ú thuê xe mô tô của người đàn ông không xác định nhân thân lai lịch chở đến khu vực vòng xoay A, Thành phố Hồ Chí Minh gặp bạn tên K không xác định nhân thân lai lịch. Sau đó, K rủ Ú đi tìm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Ú đồng ý thực hiện. K điều khiển xe mô tô của K không xác định biển số chở Ú đến khu vực ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để tìm tài sản chiếm đoạt.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/9/2023, khi đến nhà trọ B ngụ tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, K nhìn thấy cửa cổng nhà trọ không khóa nên K kêu Ú đi vào bên trong nhà trọ cạy cửa các phòng trọ để tìm tài sản chiếm đoạt, còn K ở ngoài ngồi trên xe cảnh giới, Ú đồng ý. K đưa cho Ú 01 đoạn sắt dài 29cm, đầu đẹp, Ú cầm cây sắt đi vào dãy nhà trọ và đi đến phòng số 6 của bà Trần Thị Kim D và dùng đoạn sắt cạy cửa đi vào phòng thấy có 01 cái ba lô bên trong có 01 cái ví, Ú mở ví ra thấy có số tiền 6.000.000 đồng nên lấy số tiền này cất giấu vào túi quần. Lúc này, Ú nhìn thấy con heo đất để trên kệ nên lấy con heo

đập xuống nền gạch lấy được số tiền 2.000.000 đồng cất giấu vào túi quần phía trước bên phải.

Sau đó, Ú tiếp tục đi đến phòng số 7 của Nguyễn Duy T và dùng đoạn sắt cạy cửa phòng đi vào tìm tài sản thì nhìn thấy có 01 cái ví da bên trong có số tiền 700.000 đồng và 01 bao lì xì bên trong có số tiền 800.000 đồng, Ú lấy tiền cất giấu vào trong người.

Sau đó Ú tiếp tục đến phòng số 9 của ông Lương Ngọc H1 và dùng đoạn sắt cạy cửa đi vào tìm tài sản nhưng không lấy được tài sản nên Ú tiếp tục đi đến phòng số 12 của bà Huỳnh Thị Phà C và dùng đoạn sắt cạy cửa phòng đi vào tìm tài sản thì phát hiện số tiền 1.800.000 đồng và 01 thẻ ATM của ngân hàng S của bà C (có giấy rút tiền kẹp chung), trong thẻ có số tiền 23.600.000 đồng để trong túi áo khoác màu hồng, Ú lấy tiền và thẻ ATM bỏ vào bọc nilon lấy ở phòng số 9.

Sau đó, Ú tiếp tục đi đến phòng số 13 của ông Trịnh Ngọc L1 và dùng đoạn sắt cạy cửa phòng đi vào bên trong tìm tài sản chiếm đoạt nhưng không có tài sản. Sau khi chiếm đoạt được tài sản Ú cầm cây sắt đi ra chỗ K để K chở đi về. Trên đường về Ú đưa tài sản chiếm đoạt cho K tổng số tiền là 11.300.000 đồng và 01 thẻ ATM. Khởi chia cho Ú 7.800.000 đồng, K 3.500.000 đồng và 01 thẻ ATM. Sau đó, K đã rút hết số tiền có trong thẻ ATM là 23.600.000 đồng; số tiền có được Ú tiêu xài cá nhân hết 7.195.000 đồng, còn lại 605.000 đồng.

Đến ngày 06/10/2023, Trần Văn Ú đến Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An đầu thú về hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 cái nón sọc nhiều màu nhãn hiệu Baskrry.
- 01 đoạn sắt dài 29cm, đầu dẹp.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số loại 13 Pro Max, số Ime 1: 388612417367240, số Ime 2: 35812417277662.
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen, số loại Ren 02, số sim: 0961170039.
- Số tiền: 605.000 đồng.

Ngoài ra, kết quả điều tra xác định Trần Văn Ú còn thực hiện lần chiếm đoạt tài sản như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 29/9/2023, Trần Văn Ú đón xe khách đi từ nhà của Ú tại thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến bến xe M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó Ú thuê xe mô tô của người đàn ông không xác định nhân thân lái lịch chờ đến khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nhằm mục đích tìm tài sản chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài, trước khi đi Ú mang theo 01 đoạn sắt dài 29cm, đầu dẹp cất giấu trong người. Khi đến khu vực ấp T, xã M, Ú xuống xe đi bộ trên đường tìm nhà người dân có tài sản để sơ hở chiếm đoạt.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày 29/9/2023, Ú đi ngang nhà trọ biển hiệu 778, thì nhìn thấy nhà trọ không có cửa rào nên đi vào bên trong dãy nhà trọ và đi lại phòng đầu của dãy nhà trọ (phòng không số) của Nguyễn Thị Thu H2 thấy không có người nên lén lút đi lại và dùng đoạn sắt dài 29cm cất giấu sẵn

trong người cạy ổ khóa đột nhập vào bên trong phòng trọ tìm tài sản chiếm đoạt, Ú đi vào bên trong phòng thì nhìn thấy có 01 ví da màu nâu trên ví da có ghi chữ SNOOPY, Ú lấy ví da mở ra xem thấy bên trong có 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn kiểu hình cánh quạt đính viên đá ở giữa; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có nhiều mắt xích hình tròn nối với nhau, gồm có 02 mặt dây chuyền: 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng hình chiếc lá, một mặt trơn, một mặt đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng; 01 mặt dây chuyền khung bằng kim loại màu vàng, ở giữa có một viên đá màu trắng hình bầu dục và số tiền 130.000 đồng, Ú lấy số tài sản này cất giấu vào trong người rồi tẩu thoát.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 4,70 gam, loại nhẫn kiểu hình cánh quạt đính viên đá ở giữa, ký hiệu: KH3-610 ở mặt trong thành chiếc nhẫn.

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 1,92 gam có nhiều mắt xích hình tròn nối nhau, có 02 mặt dây chuyền gồm: 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng hình chiếc lá, một mặt trơn đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng; 01 mặt dây chuyền khung bằng kim loại màu vàng ở giữa có một viên đá màu trắng hình bầu dục.

Tại Kết luận giám định số 404/KL-KTHS ngày 02/01/2024 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- “- 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn kiểu hình cánh quạt có gắn đá, tổng khối lượng (cả đá): 1,9270 gam gửi giám định có thành phần kim loại là V (A), hàm lượng: 61,90%; Bạc (A), hàm lượng 19,15%; Đồng (Cu), hàm lượng: 18,95%.

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có nhiều mắt xích tròn nối lại với nhau, có 02 mặt dây chuyền (01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, hình chiếc lá, một mặt trơn, 01 mặt đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng và 01 mặt dây chuyền khung bằng kim loại màu vàng, ở giữa có 01 viên đá màu trắng hình bầu dục), tổng khối lượng (dây chuyền, 02 mặt dây chuyền và đá): 4,7052 gam (ký hiệu M2) gửi giám định có thành phần kim loại chủ yếu là: Đồng (Cu), hàm lượng Đ (Cu) trung bình (dây chuyền và 02 mặt dây chuyền kim loại) là: 98,68%. Mẫu được mạ một lớp kim loại Vàng (A) rất mỏng, không xác định được hàm lượng.

H3 lại mẫu vật gửi giám định: Mẫu sau giám định có khối lượng mẫu M1: 1,9240 gam; mẫu M2: 4,7010 gam được niêm phong”.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 03/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An kết luận:

- 01 chiếc nhẫn có trọng lượng 4,74 gam là vàng, loại 610, trị giá 1.848.667 đồng.

- 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 1,92 gam là đồng gồm có 02 mặt: một mặt dạng hình chiếc lá, một mặt trơn, một mặt đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng; một mặt ở giữa có 01 viên đá màu trắng hình bầu dục, trị giá 100.000 đồng.

- 01 ví da màu nâu, trên ví da có ghi chữ SNOOPY, trị giá 48.333 đồng.
Tổng trị giá là 1.997.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT – VKSDH ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn Ú về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại bà Nguyễn Thị Thu H2 vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 29/9/2023, tại phòng trọ mà bà đã thuê ở nhà trọ B1 thuộc ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An bà bị mất trộm tài sản gồm 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 4,70 gam, loại nhẫn kiểu hình cánh quạt đính viên đá ở giữa, ký hiệu: KH3-610 ở mặt trong thành chiếc nhẫn, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 1,92 gam có nhiều mắc xích hình tròn nối nhau, có 02 mặt dây chuyền gồm 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng dạng hình chiếc lá, một mặt tròn đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng; 01 mặt dây chuyền khung bằng kim loại màu vàng ở giữa có một viên đá màu trắng hình bầu dục và 01 ví da màu nâu, trên ví da có ghi chữ SNOOPY, bên trong có tiền 130.000 đồng. Do bà đã nhận lại tài sản nêu trên theo biên bản trả tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/01/2024 nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Trần Thị Kim D vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/9/2023, tại phòng trọ số 6 của nhà trọ B thuộc tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, bà bị trộm mất số tiền 6.000.000 đồng và 01 con heo đất bên trong có số tiền 2.000.000 đồng bị đập vỡ, tổng cộng là 8.000.000 đồng. Do bà đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Nguyễn Duy T vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 25/9/2023, tại phòng trọ số 7 của nhà trọ B thuộc tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, ông bị trộm mất số tiền 700.000 đồng và 01 bao lì xì bên trong có số tiền 800.000 đồng, tổng cộng là 1.500.000 đồng. Do ông đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng nên ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự ông có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Huỳnh Thị Phà C vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 25/9/2023, tại phòng trọ số 12 của nhà trọ B thuộc tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, bà bị trộm mất số tiền 1.800.000 đồng và 01 thẻ ATM của ngân hàng S (trong thẻ có số tiền 23.600.000 đồng). Do bà đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 25.400.000 đồng nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lương Ngọc H1 và ông Trịnh Ngọc L1 vắng mặt nhưng có lời khai: Các ông là người thuê phòng trọ số 9 và phòng số 13 của nhà trọ của nhà trọ B tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, ngày 25/9/2023, phòng trọ số 9 và 13 bị trộm phá cửa đập nhập nhưng do không bị mất tài sản gì nên các ông không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trần Kim P trình bày: Bà là chị ruột của bị cáo Ú. Bà đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho các bị hại Trần Thị Kim D, Nguyễn Duy T, Huỳnh Thị Phà C tổng số tiền là 34.900.000 đồng, trong đó: Bồi thường cho bị hại Diệu số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại T số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho bị hại Ca số tiền 25.400.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Trần Văn Ú gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ú phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Ú mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, do đó đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cái nón sọc nhiều màu nhãn hiệu Baskrry.

+ 01 đoạn sắt dài 29cm, đầu dẹp.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Ú số tiền 605.000 đồng theo biên lai thu số 2697 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số loại 13 Pro Max, số Ime 1: 388612417367240, số Ime 2: 35812417277662 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen, số loại Ren 02, số sim: 0961170039.

Đối với người nam thanh niên tên K không xác định nhân thân lai lịch có hành vi điều khiển xe mô tô không xác định biển số chở bị cáo Ú đi tìm tài sản để chiếm đoạt, chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo Ú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ban hành Quyết định tách hành vi của K tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Ú thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo không tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1]. Bị cáo Trần Văn Ú có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Thu H2 gồm: 01 chiếc nhẫn vàng có trọng lượng 4,74 gam, loại 610, trị giá 1.848.667 đồng; 01 sợi dây chuyền đồng có trọng lượng 1,92 gam có 02 mặt: 01 mặt dạng hình chiếc lá, một mặt trơn, một mặt đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng; một mặt ở giữa có một viên đá màu trắng hình bầu dục, trị giá 100.000 đồng; 01 ví da màu nâu, trên ví da có ghi chữ SNOOPY, trị giá 48.333 đồng, số tiền 130.000 đồng, tổng trị giá là 2.127.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Ú còn khai nhận ngày 25/9/2023, bị cáo còn lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị Kim D, số tiền 8.000.000 đồng; Nguyễn Duy T, số tiền 1.500.000 đồng và bà Huỳnh Thị Phà C tổng số tiền là 25.400.000 đồng. Trần Văn Ú thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 02 lần với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 38.827.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ú đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa

điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Văn Ú1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi trái pháp luật của bị cáo Ú1 là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.3]. Hành vi của bị cáo Trần Văn Ú thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 của Bộ luật Hình sự để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo Ú gây ra; Đồng thời, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ú thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; đầu thú hành vi phạm tội; gia đình của bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn Ú phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Ú là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: các bị hại vắng mặt nhưng có lời khai không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đề cập xem xét.

Bà Trần Kim P (chị ruột của bị cáo Trần Văn Ú), đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho các bị hại Trần Thị Kim D, Nguyễn Duy T, Huỳnh Thị Phà C tổng số tiền là 34.900.000 đồng, trong đó: Bồi thường cho bị hại Diệu số tiền 8.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại T số tiền 1.500.000 đồng; bồi thường cho bị hại Ca số tiền 25.400.000 đồng. Trước tòa, bà P không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn, trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cái nón sọc nhiều màu nhãn hiệu Baskrry

+01 đoạn sắt dài 29cm, đầu đẹp.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 605.000 đồng theo biên lai thu số 2697 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số loại 13 Pro Max, số Ime 1: 388612417367240, số Ime 2: 35812417277662 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen, số loại Ren 02, số sim: 0961170039.

[7]. Đối với người nam thanh niên tên K không xác định nhân thân lai lịch có hành vi điều khiển xe mô tô không xác định biển số chở bị can Ú đi tìm tài sản để chiếm đoạt, chỉ có lời khai duy nhất của bị can Ú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ban hành Quyết định số 01/QĐ-ĐTTH ngày 03/01/2024, tách hành vi trộm cắp tài sản của đối tượng K tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau nên không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo Trần Văn Ú phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Ú phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Ú 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2023.

3. *Về tạm giam*: Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn Ú 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2024) để bảo đảm thi hành án.

4. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái nón sọc nhiều màu nhãn hiệu Baskrry; 01 đoạn sắt dài 29cm, đầu đẹp.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn Ú gồm: Số tiền 605.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số loại 13 Pro Max, số Ime 1: 388612417367240, số Ime 2: 35812417277662 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen, số loại Ren 02, số sim: 0961170039 theo biên lai thu số 2697 và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản cùng ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

(Vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 16 ngày 31/01/2024).

5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn Ú nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức